

ETS 1200 – SCRIPT & TRANS – PART 2 – TEST 01

<p>11. (W-Am) Where do we keep office supplies? (M-Br) (A) In that cabinet. (B) He didn't apply. (C) No, you keep it.</p>	<p>11. Chúng ta lưu trữ đồ dùng văn phòng ở đâu? (A) Trong tủ kia kia. (B) Anh ấy không ứng tuyển. (C) Không, bạn giữ nó.</p>
<p>12. (W-Br) Why has the traffic stopped moving? (M-Am) (A) Maybe there's some road construction. (B) Yes, I'd love to see a movie. (C) No thanks, I can take the train.</p>	<p>12. Tại sao các phương tiện giao thông lại dừng lại? (A) Có thể do việc xây dựng đường sá. (B) Đúng vậy, tôi muốn đi xem một bộ phim. (C) Không, cảm ơn, tôi có thể đi tàu.</p>
<p>13. (W-Am) Did you go shopping last weekend? (M-Am) (A) That one comes first. (B) No, I didn't have time. (C) They're quite friendly.</p>	<p>13. Cuối tuần trước bạn có đi mua sắm không? (A) Cái đó thì đến đầu tiên. (B) Không, tôi không có thời gian. (C) Họ khá là thân thiện.</p>
<p>14. (M-Br) Would you like a table inside or outside? (W-Am) (A) It's nicer outside. (B) He likes gardening. (C) Leave it on the table.</p>	<p>14. Bạn muốn một bàn trong nhà hay ngoài trời? (A) Ngoài trời thì đẹp hơn. (B) Anh ấy thích công việc làm vườn. (C) Hãy để nó trên bàn.</p>
<p>15. (W-Am) Can you call me back before five P.M.? (W-Br) (A) Yes, no problem. (B) There are only four. (C) It's in the back.</p>	<p>15. Bạn có thể gọi lại cho tôi vào lúc 6 giờ chiều không? (A) Được, không thành vấn đề. (B) Chỉ có bốn cái. (C) Nó nằm ở đằng sau.</p>
<p>16. (M-Am) When is the final report due? (M-Br) (A) Yes, it's being repaired. (B) He reports to the manager. (C) Next Friday at nine.</p>	<p>16. Khi nào thì bản báo cáo cuối cùng đến hạn? (A) Vâng, nó đang được sửa chữa. (B) Anh ấy báo cáo cho người quản lí. (C) Thứ Sáu tuần sau lúc 9 giờ.</p>

<p>17. (W-Br) He's in the customer service department, isn't he?</p> <p>(W-Am) (A) OK, I'll tell him "no". (B) It isn't very big. (C) No, in the sales department.</p>	<p>17. Anh ấy ở bộ phận dịch vụ khách hàng phải không?</p> <p>(A) Được, tôi sẽ nói với anh ấy là "không". (B) Nó không lớn lắm. (C) Không, ở bộ phận bán hàng.</p>
<p>18. (W-Am) Which dress shirt should I buy?</p> <p>(W-Br) (A) By tomorrow. (B) The gray one. (C) In the dresser.</p>	<p>18. Tôi nên mua cái áo đầm nào?</p> <p>(A) Trước ngày mai. (B) Cái màu xám. (C) Trong tủ quần áo.</p>
<p>19. (W-Br) Hasn't it stop raining yet?</p> <p>(W-Am) (A) No, I can't. (B) Yes, it has. (C) Sure, why not?</p>	<p>19. Trời đã tạnh mưa chưa vậy?</p> <p>(A) Không, tôi không thể. (B) Rồi, trời đã tạnh. (C) Chắc chắn rồi, tại sao lại không?</p>
<p>20. (M-Br) Take a left at the traffic light.</p> <p>(W-Br) (A) We left someone out. (B) Thanks for the directions. (C) I didn't take one.</p>	<p>20. Rẽ trái tại trụ đèn giao thông.</p> <p>(A) Chúng tôi đã để ai đó bên ngoài. (B) Cảm ơn vì đã chỉ đường. (C) Tôi đã không lấy cái nào.</p>
<p>21. (M-Am) How will you get to the restaurant tonight?</p> <p>(W-Am) (A) I'll take the bus. (B) No later than seven o'clock. (C) I think I'll rest a while.</p>	<p>21. Bạn sẽ đến nhà hàng bằng cách nào?</p> <p>(A) Tôi sẽ bắt xe buýt. (B) Không muộn hơn 7 giờ. (C) Tôi nghĩ tôi sẽ nghỉ ngơi một lát.</p>
<p>22. (M-Br) Do you want to have lunch delivered or to go to a restaurant today?</p> <p>(M-Am) (A) I love pizza, too. (B) Let's order in, since it's raining. (C) I'll do it myself.</p>	<p>22. Bạn có muốn đặt giao hàng bữa trưa hay là đến ăn nhà hàng hôm nay?</p> <p>(A) Tôi cũng thích ăn pizza. (B) Hãy đặt hàng giao đến, vì trời đang mưa. (C) Tôi sẽ tự làm nó.</p>

<p>23. (M-Br) Who's going to repair the computer system?</p> <p>(W-Br) (A) There are going to be two pairs. (B) A technician will fix it tomorrow. (C) No, I don't know how.</p>	<p>23. Ai sẽ sửa chữa hệ thống máy tính?</p> <p>(A) Sắp có 2 cặp. (B) Một kĩ thuật viên sẽ sửa nó vào ngày mai. (C) Không, tôi không biết làm cách nào cả.</p>
<p>24. (M-Am) Why is the store closed so early today?</p> <p>(W-Br) (A) No, it's not very close. (B) Yes, I got up at six today. (C) It's a national holiday.</p>	<p>24. Tại sao cửa hàng hôm nay lại đóng cửa quá sớm vậy?</p> <p>(A) Không, nó không gần lắm đâu. (B) Đúng, hôm nay tôi đã dậy lúc 6 giờ. (C) Nó là một ngày nghỉ lễ toàn quốc.</p>
<p>25. (W-Br) Have the catalogs arrived yet?</p> <p>(M-Am) (A) No, they can't drive. (B) Yes, they're on your desk. (C) I can't log on today.</p>	<p>25. Bảng danh mục đã đến đây chưa?</p> <p>(A) Không, họ không thể lái xe. (B) Rồi, chúng ở trên bàn của bạn. (C) Tôi không thể đăng nhập hôm nay.</p>
<p>26. (M-Am) What's the topic of today's seminar?</p> <p>(W-Br) (A) In an hour. (B) I'm not sure. (C) No, on the bottom.</p>	<p>26. Chủ đề của hội nghị chuyên đề hôm nay là gì?</p> <p>(A) Trong một giờ nữa. (B) Tôi không chắc chắn. (C) Không, ở phía dưới.</p>
<p>27. (M-Br) Excuse me, I need to change my destination from Osaka to Tokyo.</p> <p>(W-Am) (A) The luggage department is upstairs. (B) I don't need to go there. (C) Let's see if there are any seats.</p>	<p>27. Xin lỗi, tôi cần thay đổi điểm đến từ Osaka đổi thành Tokyo.</p> <p>(A) Bộ phận hành lý ở trên lầu. (B) Tôi không cần đến đó. (C) Để tôi xem thử còn chỗ nào không.</p>
<p>28. (M-Am) Who should I tell if I need to leave early?</p> <p>(M-Br) (A) Let your supervisor know. (B) For a dentist appointment. (C) About two o'clock.</p>	<p>28. Tôi nên nói với ai nếu như tôi muốn rời đi sớm?</p> <p>(A) Báo cho người giám sát của bạn biết. (B) Về một cuộc hẹn gặp nha sĩ. (C) Khoảng 2 giờ.</p>

<p>29. (M-Br) Jane, do you ride to work with anyone?</p> <p>(W-Br) (A) Thank you for that advice. (B) I asked my assistant to finish it. (C) Yes, with Cindy from the shipping department.</p>	<p>29. Jane, bạn có đi làm chung với ai không?</p> <p>(A) Cảm ơn bạn về lời khuyên. (B) Tôi đã yêu cầu trợ lý của tôi hoàn thành nó. (C) Có, với Cindy ở bộ phận giao hàng.</p>
<p>30. (W-Am) What time does the train arrive?</p> <p>(M-Am) (A) It should be here soon. (B) Yes, I think it might rain. (C) No, I won't have time.</p>	<p>30. Mấy giờ thì tàu đến?</p> <p>(A) Nó sẽ đến sớm thôi. (B) Đúng, tôi nghĩ trời có thể mưa. (C) Không, tôi không có thời gian.</p>
<p>31. (W-Br) Could you get me three copies of the contract?</p> <p>(M-Br) (A) The number is 555-4326 (B) Sorry, we don't have coffee. (C) Sure, I'll bring them to your office.</p>	<p>31. Bạn có thể gửi cho tôi 3 bản sao hợp đồng không?</p> <p>(A) Số là 555-4326. (B) Xin lỗi, chúng tôi không có cà phê. (C) Được, tôi sẽ mang chúng đến văn phòng của bạn.</p>
<p>32. (M-Am) Mr. Johnson seems so busy lately.</p> <p>(M-Br) (A) Why is that? (B) Can he find a new one? (C) It was finished early.</p>	<p>32. Ông Johnson dạo này có vẻ rất bận rộn.</p> <p>(A) Tại sao lại thế? (B) Ông ấy có thể tìm được người mới không? (C) Nó đã được hoàn thành sớm.</p>
<p>33. (W-Br) Where is the supermarket?</p> <p>(M-Br) (A) Every night until nine. (B) About three or four dollars. (C) Down the street from my office.</p>	<p>33. Siêu thị ở đâu vậy?</p> <p>(A) Mỗi tối cho đến 9 giờ. (B) Khoảng 3 hoặc 4 đô-la. (C) Đọc theo con phố từ văn phòng của tôi.</p>
<p>34. (M-Am) How long will it be before we get to the theater?</p> <p>(M-Br) (A) It's three meters long. (B) About fifteen minutes or so. (C) No, not by bus.</p>	<p>34. Sẽ mất bao lâu trước khi chúng ta đến nhà hát?</p> <p>(A) Nó dài 3 mét. (B) Khoảng 15 phút. (C) Không, không phải bằng xe buýt.</p>

<p>35. (W-Am) Can you pick up a newspaper for me while you're at the store?</p> <p>(M-Am) (A) Which one do you want? (B) The printer's out of paper. (C) I'll answer the door.</p>	<p>35. Bạn có thể mua giúp tôi một tờ báo trong lúc bạn ở cửa hàng không?</p> <p>(A) Bạn muốn tờ báo nào? (B) Máy in đã hết giấy. (C) Tôi sẽ ra mở cửa.</p>
<p>36. (M-Am) Isn't there a shortcut to the airport?</p> <p>(W-Br) (A) It's a round-trip ticket. (B) Yes, I cut my hair shorter. (C) No, this is the only way.</p>	<p>36. Có đường tắt đến sân bay không?</p> <p>(A) Nó là vé khứ hồi. (B) Đúng vậy, tôi đã cắt tóc mình ngắn hơn. (C) Không, đây là con đường duy nhất.</p>
<p>37. (W-Br) What do you think of this month's budget?</p> <p>(M-Am) (A) Yes, this month. (B) Looks like we need money. (C) Thanks, it was a gift.</p>	<p>37. Bạn nghĩ gì về ngân sách tháng này?</p> <p>(A) Đúng, tháng này. (B) Có vẻ như chúng ta cần tiền. (C) Cảm ơn bạn, nó là một món quà.</p>
<p>38. (W-Am) Would you like this shirt or a smaller one?</p> <p>(W-Br) (A) Yes, just a little. (B) Is there another caller? (C) What sizes do you have?</p>	<p>38. Bạn thích áo sơ mi này hay là cái nhỏ hơn?</p> <p>(A) Đúng vậy, chỉ một ít thôi. (B) Có người gọi nào khác không? (C) Bạn có những kích cỡ nào?</p>
<p>39. (W-Am) Mr. Thompson likes Italian food, doesn't he?</p> <p>(M-Br) (A) It's his favorite. (B) An Italian car. (C) No, I don't own any.</p>	<p>39. Ông Thompson thích đồ ăn Ý phải không?</p> <p>(A) Nó là loại yêu thích của ông ấy. (B) Một chiếc xe hơi của Ý. (C) Không, tôi không có cái nào cả.</p>
<p>40. (M-Am) I'd like to change my appointment time.</p> <p>(W-Am) (A) Sorry, I have no change. (B) The dentist could see you tomorrow. (C) Thanks, I'm glad you like it.</p>	<p>40. Tôi muốn thay đổi thời gian cuộc hẹn của tôi.</p> <p>(A) Xin lỗi, tôi không có tiền lẻ. (B) Nha sĩ có thể gặp bạn vào ngày mai. (C) Cảm ơn bạn, tôi vui vì bạn thích nó.</p>